

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018  
và kết thúc vào ngày 30/06/2018



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 48



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
<b>Cộng</b>		<b>680.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành hoạt động của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Văn Thường	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Bùi Tố Uyên	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Bùi Thu Thái	Thành viên ban kiểm soát

**3. Trụ sở**

Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Trí Thịnh**

0313  
C  
RÁCH  
I  
VI  
NH X



Số: 50 /2018/BCSX- PKF.VPC

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Công ty mẹ) được lập ngày 27/08/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 8 đến trang 48 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

4064  
NG T  
LỆM H  
PKF  
T NA  
AN -

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Nguyễn Hoàng Hà**

Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH PKF Việt Nam  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0740-2018-242-1





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.758.757.668.812</b>	<b>3.181.160.957.652</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		287.689.811.366	91.603.523.920
Tiền	111	5.1	287.689.811.366	41.603.523.920
Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.347.867.511.173</b>	<b>2.997.169.594.629</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	2.143.808.860.042	1.645.417.574.120
Trả trước cho người bán	132		8.249.235.705	84.368.938.471
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		4.518.678.343	4.885.428.343
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	716.240.685.040	833.805.219.988
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	480.111.382.043	433.753.763.707
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(5.061.330.000)	(5.061.330.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>70.303.329.077</b>	<b>45.737.674.824</b>
Hàng tồn kho	141		70.303.329.077	45.737.674.824
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>52.897.017.196</b>	<b>46.650.164.279</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	2.478.213.782	703.483.770
Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.559.163.966	44.986.739.677
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	859.639.448	959.940.832
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.947.001.059.535</b>	<b>17.627.529.111.366</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.725.181.580.325</b>	<b>1.631.899.722.298</b>
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3	1.724.216.027.947	1.630.934.169.920
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	965.552.378	965.552.378
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.296.353.171.519</b>	<b>12.946.449.912.111</b>
<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.9</b>	<b>12.272.199.967.508</b>	<b>12.921.526.033.782</b>
- Nguyên giá	222		21.897.083.253.384	21.871.308.864.329
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.624.883.285.876)	(8.949.782.830.547)
<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.10</b>	<b>24.153.204.011</b>	<b>24.923.878.329</b>
- Nguyên giá	228		29.372.729.730	29.372.729.730
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.219.525.719)	(4.448.851.401)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>78.608.020.441</b>	<b>81.813.493.312</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		817.383.784	1.055.479.022
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.790.636.657	80.758.014.290
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>2.269.840.196.698</b>	<b>2.303.444.577.790</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.883.306.772.926	1.883.306.772.926
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.156.056.281.399	1.096.124.960.279
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	254		(769.522.857.627)	(675.987.155.415)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>577.018.090.552</b>	<b>663.921.405.855</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	430.119.369.664	515.468.728.162
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		146.898.720.888	148.452.677.693
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>20.705.758.728.347</b>	<b>20.808.690.069.018</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.514.637.925.194</b>	<b>13.691.008.184.871</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.019.386.140.075</b>	<b>3.481.177.811.961</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	951.881.121.077	791.703.587.215
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	41.464.435
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	48.206.249.289	35.941.354.237
Phải trả người lao động	314		33.739.154.950	59.353.145.683
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	558.644.393.515	459.262.533.556
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		4.536.678.343	4.885.428.343
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	399.958.746.638	17.041.112.991
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	1.985.445.908.649	2.087.671.905.826
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		36.973.887.614	25.277.279.675
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.495.251.785.119</b>	<b>10.209.830.372.910</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	395.419.285.868	625.431.237.752
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	9.099.832.499.251	9.584.399.135.158
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.191.120.803.153</b>	<b>7.117.681.884.147</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>7.191.120.803.153</b>	<b>7.117.681.884.147</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.269.425.647	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		387.851.377.506	317.681.884.147
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		94.987.627.670	(354.030.919.308)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		292.863.749.836	671.712.803.455
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>20.705.758.728.347</b>	<b>20.808.690.069.018</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.083.254.448.172	3.772.561.787.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.2</b>	<b>4.083.254.448.172</b>	<b>3.772.561.787.136</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.3	3.271.338.345.823	3.094.747.103.524
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>811.916.102.349</b>	<b>677.814.683.612</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	15.455.340.495	28.319.245.883
Chi phí tài chính	22	6.5	447.519.833.859	370.015.482.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		174.681.027.459	199.165.161.267
Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	74.798.571.927	76.348.897.759
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>305.053.037.058</b>	<b>259.769.549.514</b>
Thu nhập khác	31	6.6	162.437.661	284.145.674
Chi phí khác	32	6.7	3.132.366	376.374.307
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>159.305.295</b>	<b>(92.228.633)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>305.212.342.353</b>	<b>259.677.320.881</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		12.348.592.517	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>292.863.749.836</b>	<b>259.677.320.881</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lưu Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Trí Thịnh



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	305.212.342.353	259.677.320.881
Điều chỉnh cho các khoản		-	-
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	675.786.106.227	694.682.380.211
Các khoản dự phòng	03	93.531.420.244	26.652.860.135
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	100.534.446.034	131.723.520.914
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.419.367.612)	(16.198.036.419)
Chi phí lãi vay	06	174.681.027.459	199.165.161.267
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.334.325.974.705</b>	<b>1.295.703.206.989</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(232.570.225.239)	(396.129.537.304)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(23.011.697.448)	(9.376.715.319)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(330.721.951.295)	111.038.230.083
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	83.574.628.486	154.070.674.236
Tiền lãi vay đã trả	14	(89.749.584.432)	(167.438.862.229)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(413.904.592)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.455.330.830	54.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.740.257.871)	(5.840.031.624)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>731.148.313.144</b>	<b>982.081.464.832</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(21.488.679.700)	(40.130.298.334)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.078.017.816)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.925.912.128	13.864.566.656
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.931.321.120)	(63.401.832.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	16.877.640.152
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(87.572.106.508)</b>	<b>(72.789.923.526)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	7.595.038.945	152.641.883.946
Tiền trả nợ gốc vay	34	(454.753.680.135)	(1.253.761.268.903)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(331.278.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(447.489.919.190)</b>	<b>(1.101.119.384.957)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	91.603.523.920	328.610.885.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	287.689.811.366	136.783.042.229

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lưu Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2018 bao gồm:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2017	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
<b>Cộng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đóng tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Tổng công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3521/TKV-KTTC ngày 04/07/2018 của Tập đoàn cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoại TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là: 22.920 VND/USD.

Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.

Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty mẹ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ như sau:

- Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- + Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- + Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**4.8 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

**4.9 Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.11 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty mẹ và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.12 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/2016, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2017	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
<b>Cộng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty mẹ có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty mẹ đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

34406  
ÔNG  
NHIỆM  
PK  
IẾT N  
KUAN



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

(v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty mẹ.

**4.16 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng:** các sản phẩm của Công ty mẹ chịu thuế suất 10%

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty mẹ không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 30/06/2018.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền**

	<u>30/06/2018</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2018</u> <u>(VND)</u>
Tiền mặt tại quỹ (i)	444.874.469	99.163.144
Tiền gửi ngân hàng (ii)	28.902.386.897	41.504.360.776
Tiền đang chuyển (iii)	<u>258.342.550.000</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>287.689.811.366</u></b>	<b><u>41.603.523.920</u></b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		<u>444.874.469</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>444.874.469</u></b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		<u>28.902.386.897</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>28.902.386.897</u></b>
(iii) Số dư tiền đang chuyển tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		<u>258.342.550.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>258.342.550.000</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	3.039.363.054.325	2.269.840.196.698	2.979.431.733.205	2.303.444.577.790
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	3.039.363.054.325	2.269.840.196.698	2.979.431.733.205	2.303.444.577.790
<u>Đầu tư vào Công ty con:</u>	1.883.306.772.926	1.113.783.915.299	1.883.306.772.926	1.293.331.053.311
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.757.179.069.334	987.656.211.707	1.757.179.069.334	1.167.203.349.719
- Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	1.156.056.281.399	1.156.056.281.399	1.096.124.960.279	1.010.113.524.479
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	317.714.971.399	317.714.971.399	257.783.650.279	257.783.650.279
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	477.841.310.000	391.829.874.200
<b>Cộng</b>	<b>3.039.363.054.325</b>	<b>2.269.840.196.698</b>	<b>2.979.431.733.205</b>	<b>2.303.444.577.790</b>
		<b>(769.522.857.627)</b>		<b>(675.987.155.415)</b>
				<b>(675.987.155.415)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2018**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào công ty con:</b>				
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	Quảng Ninh	89,21%	89,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	Quảng Nam	88,77%	88,77%	Sản xuất than và sản xuất điện
<b>Đầu tư vào Công ty khác:</b>				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5 %	5 %	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.3 Phải thu về cho vay**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
				Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>716.240.685.040</b>	<b>716.240.685.040</b>	<b>833.805.219.988</b>	<b>833.805.219.988</b>
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	490.950.219.698	490.950.219.698	598.423.794.381	598.423.794.381
+ Gốc vay	-	-	-	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	490.950.219.698	490.950.219.698	598.423.794.381	598.423.794.381
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	225.290.465.342	225.290.465.342	235.381.425.607	235.381.425.607
+ Gốc vay	-	-	-	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	225.290.465.342	225.290.465.342	235.381.425.607	235.381.425.607
<b>Dài hạn</b>	<b>1.724.216.027.947</b>	<b>1.724.216.027.947</b>	<b>1.630.934.169.920</b>	<b>1.630.934.169.920</b>
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.717.037.176.681	1.717.037.176.681	1.622.934.545.736	1.622.934.545.736
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	7.178.851.266	7.178.851.266	7.999.624.184	7.999.624.184
<b>Cộng</b>	<b>2.440.456.712.987</b>	<b>2.440.456.712.987</b>	<b>2.464.739.389.908</b>	<b>2.464.739.389.908</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.4 Phải thu khách hàng**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.143.808.860.042</b>	<b>1.645.417.574.120</b>
Công ty Mua bán điện	2.100.264.002.700	1.636.650.992.335
Các khách hàng khác	43.544.857.342	8.766.581.785
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.143.808.860.042</b>	<b>1.645.417.574.120</b>

**5.5 Phải thu khác**

	<u>30/06/2018</u> (VND)		<u>01/01/2018</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>480.111.382.043</b>	<b>55.731.000</b>	<b>433.753.763.707</b>	<b>55.731.000</b>
Phải thu về lãi cho vay	458.835.761.728	-	411.449.178.795	-
Phải thu khác (i)	21.275.620.315	55.731.000	22.304.584.912	55.731.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>965.552.378</b>	<b>-</b>	<b>965.552.378</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	965.552.378	-	965.552.378	-
<b>Cộng</b>	<b>481.076.934.421</b>	<b>55.731.000</b>	<b>434.719.316.085</b>	<b>55.731.000</b>

(i) Phải thu khác	<u>30/06/2018</u> (VND)
Phải thu tiền vật tư nhà thầu SFECO	4.586.303.459
Phải thu về cổ phần hóa	4.957.949.800
Phải thu người lao động	92.487.638
Các khoản khác	11.638.879.418
<b>Cộng</b>	<b>21.275.620.315</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.6 Nợ xấu**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	5.061.330.000	-	5.061.330.000	-
Từ 3 năm trở lên	5.061.330.000	-	5.061.330.000	-
Điện lực Thái Nguyên	13.621.000	-	13.621.000	-
Vụ Năng lượng - Bộ Công Thương	42.110.000	-	42.110.000	-
Công ty CP xây dựng số 18	5.005.599.000	-	5.005.599.000	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.603.416.527	-	45.410.558.705	-
Công cụ, dụng cụ	20.699.912.550	-	327.116.119	-
<b>Cộng</b>	<b>70.303.329.077</b>	<b>-</b>	<b>45.737.674.824</b>	<b>-</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>817.383.784</b>	-	<b>1.055.479.022</b>	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	817.383.784	-	1.055.479.022	-
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>77.790.636.657</b>	-	<b>80.758.014.290</b>	-
- Xây dựng cơ bản	77.790.636.657	-	79.143.669.108	-
<i>Dự án Nhà máy Nhiệt điện Đồng Nai 5</i>	844.690.529	-	17.025.905.500	-
<i>Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương 2</i>	19.579.303.473	-	19.084.687.109	-
<i>Dự án ĐTXD nhà máy sản xuất Vật liệu không nung và bãi tập kết nguyên liệu tại Đồng Giếng To</i>	2.946.467.500	-	2.946.467.500	-
<i>Dự án Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh tại Cơ quan Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (Giai đoạn 3)</i>	5.780.354.810	-	-	-
<i>Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương</i>	20.599.348.607	-	20.599.348.607	-
<i>Bãi chứa tro xỉ khoảng 7,8</i>	706.333.234	-	-	-
<i>Khu CBCNV điều hành sản xuất (NMNĐ Sơn Động)</i>	-	-	-	-
<i>Đường công vụ từ Quốc lộ 18A đến NMNĐ Đông Triều</i>	-	-	11.510.692.498	-
<i>Dự án khác</i>	27.334.138.504	-	7.976.567.894	-
- Sửa chữa	-	-	1.614.345.182	-
<i>Chi phí sửa chữa lớn</i>	-	-	1.614.345.182	-
<b>Cộng</b>	<b>78.608.020.441</b>	-	<b>81.813.493.312</b>	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	6.699.885.928.793	14.611.840.295.809	251.330.807.288	49.011.498.003	259.240.334.436	21.871.308.864.329
- Mua trong kỳ	-	6.276.887.310	-	66.500.000	-	6.343.387.310
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.071.341.379	10.629.853.487	-	359.090.909	-	20.060.285.775
- Tăng khác	-	3.586.359.450	-	-	-	3.586.359.450
- Giảm khác	-	(3.822.352.125)	(393.291.355)	-	-	(4.215.643.480)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.708.957.270.172</b>	<b>14.628.511.043.931</b>	<b>250.937.515.933</b>	<b>49.437.088.912</b>	<b>259.240.334.436</b>	<b>21.897.083.253.384</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	1.499.800.124.534	7.058.219.728.026	179.547.718.405	46.956.777.819	165.258.481.763	8.949.782.830.547
- Khấu hao trong kỳ	178.423.917.587	466.274.421.550	13.369.475.269	958.924.962	15.988.692.541	675.015.431.909
- Hao mòn trong kỳ	85.023.420	-	-	-	-	85.023.420
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.678.309.065.541</b>	<b>7.524.494.149.576</b>	<b>192.917.193.674</b>	<b>47.915.702.781</b>	<b>181.247.174.304</b>	<b>9.624.883.285.876</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	5.200.085.804.259	7.553.620.567.783	71.783.088.883	2.054.720.184	93.981.852.673	12.921.526.033.782
Tại ngày cuối kỳ	5.030.648.204.631	7.104.016.894.355	58.020.322.259	1.521.386.131	77.993.160.132	12.272.199.967.508

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>TSCĐVH Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	<b>26.652.807.787</b>	<b>2.492.195.579</b>	<b>227.726.364</b>	<b>29.372.729.730</b>
- Mua trong kỳ				
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.652.807.787</b>	<b>2.492.195.579</b>	<b>227.726.364</b>	<b>29.372.729.730</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu kỳ	<b>2.593.208.113</b>	<b>1.687.934.665</b>	<b>167.708.623</b>	<b>4.448.851.401</b>
- Khấu hao trong kỳ	548.306.279	209.250.179	13.117.860	770.674.318
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.141.514.392</b>	<b>1.897.184.844</b>	<b>180.826.483</b>	<b>5.219.525.719</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	<b>24.059.599.674</b>	<b>804.260.914</b>	<b>60.017.741</b>	<b>24.923.878.329</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>23.511.293.395</b>	<b>595.010.735</b>	<b>46.899.881</b>	<b>24.153.204.011</b>
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:				-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:				521.900.000
Thuyết minh số liệu và giải trình khác:				-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.11 Chi phí trả trước**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.478.213.782</b>	<b>703.483.770</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	470.872.182	402.091.840
Chi phí bảo hiểm	1.049.105.114	235.626.230
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	958.236.486	65.765.700
<b>b. Dài hạn</b>	<b>430.119.369.664</b>	<b>515.468.728.162</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	7.390.165.993	6.909.351.191
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	39.219.233.849	52.132.770.346
Tiền thuê nhà trả trước nhiều năm	2.061.612.000	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	28.636.846.206	32.765.746.484
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm	352.427.567.148	422.900.449.911
Chi phí trả trước dài hạn khác	383.944.468	760.410.230
<b>Cộng</b>	<b>432.597.583.446</b>	<b>516.172.211.932</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Góc vay ngắn hạn</b>	-	-	-	-	-	-
Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
<b>b. Góc vay dài hạn</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>121.748.320.369</b>	<b>708.540.953.453</b>	<b>11.085.278.407.900</b>	<b>11.085.278.407.900</b>
- Từ 1 năm đến 5 năm	10.617.927.640	10.617.927.640	7.580.860.000	3.225.902.822	14.972.884.818	14.972.884.818
Vay ngân hàng	10.617.927.640	10.617.927.640	7.580.860.000	3.225.902.822	14.972.884.818	14.972.884.818
- Trên 5 năm	11.661.453.113.344	11.661.453.113.344	114.167.460.369	705.315.050.631	11.070.305.523.082	11.070.305.523.082
Vay ngân hàng	4.307.684.548.739	4.307.684.548.739	38.034.750.000	259.759.135.905	4.085.960.162.834	4.085.960.162.834
Vay Tập đoàn	7.353.768.564.605	7.353.768.564.605	76.132.710.369	445.555.914.726	6.984.345.360.248	6.984.345.360.248
<b>Cộng</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>121.748.320.369</b>	<b>708.540.953.453</b>	<b>11.085.278.407.900</b>	<b>11.085.278.407.900</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	01/01/2018 (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>2.087.671.905.826</b>	<b>2.087.671.905.826</b>	<b>1.985.445.908.649</b>	<b>1.985.445.908.649</b>
Vay ngân hàng	554.900.982.059	554.900.982.059	590.766.676.846	590.766.676.846
Vay Tập đoàn	1.532.770.923.767	1.532.770.923.767	1.394.679.231.803	1.394.679.231.803
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>11.672.071.040.984</b>	<b>11.085.278.407.900</b>	<b>11.085.278.407.900</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	2.087.671.905.826	2.087.671.905.826	1.985.445.908.649	1.985.445.908.649
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	9.584.399.135.158	9.584.399.135.158	9.099.832.499.251	9.099.832.499.251

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.13 Phải trả người bán**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>951.881.121.077</b>	<b>951.881.121.077</b>	<b>791.703.587.215</b>	<b>791.703.587.215</b>
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	43.959.863.929	43.959.863.929	-	-
Tổng công ty Đông Bắc	169.703.821.934	169.703.821.934	171.118.350.914	171.118.350.914
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng công ty Sông Đà	465.387.773.645	465.387.773.645	474.029.213.190	474.029.213.190
Công ty TNHH công trình điện Cáp Nhĩ Tân - DA Cao Ngạn	55.633.715.727	55.633.715.727	-	-
LD HydroChina HuaDong và Tianjin Alstom Hydro	10.417.075.917	10.417.075.917	10.301.532.012	10.301.532.012
Phải trả các đối tượng khác	206.778.869.925	206.778.869.925	136.254.491.099	136.254.491.099
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>395.419.285.868</b>	<b>395.419.285.868</b>	<b>625.431.237.752</b>	<b>625.431.237.752</b>
Nhà thầu SFECO	395.419.285.868	395.419.285.868	391.033.382.523	391.033.382.523
Công ty TNHH công trình điện Cáp Nhĩ Tân - DA Cao Ngạn	-	-	234.397.855.229	234.397.855.229
<b>Cộng</b>	<b>1.347.300.406.945</b>	<b>1.347.300.406.945</b>	<b>1.417.134.824.967</b>	<b>1.417.134.824.967</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018 (VND)
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	23.429.843.450	139.791.302.347	138.533.851.724	24.687.294.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.934.687.925	-	11.934.687.925
Thuế thu nhập cá nhân	154.590.021	1.818.910.708	1.876.585.379	96.915.350
Thuế tài nguyên	7.349.257.218	24.691.347.009	26.204.757.148	5.835.847.079
Thuế đất và tiền thuế đất	-	859.598.077	657.525.360	202.072.717
Các loại thuế khác	-	2.637.910.065	2.637.910.065	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.007.663.548	10.040.362.762	9.598.594.165	5.449.432.145
<b>Cộng</b>	<b>35.941.354.237</b>	<b>191.774.118.893</b>	<b>179.509.223.841</b>	<b>48.206.249.289</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	84.043.985	23.767.453.999	24.543.049.462	859.639.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.904.592	413.904.592	-	-
Thuế đất và tiền thuế đất	461.992.255	1.325.241.518	863.249.263	-
<b>Cộng</b>	<b>959.940.832</b>	<b>25.506.600.109</b>	<b>25.406.298.725</b>	<b>859.639.448</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.15 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>558.644.393.515</b>	<b>459.262.533.556</b>
Chi phí lãi vay phải trả	548.306.575.973	455.303.543.837
Lãi trả chậm tiền than	-	-
Trích trước chi phí SCL TSCĐ	-	-
Chi phí phải trả khác	10.337.817.542	3.958.989.719
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>558.644.393.515</u></b>	<b><u>459.262.533.556</u></b>

**5.16 Phải trả khác**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>399.958.746.638</b>	<b>17.041.112.991</b>
Phải trả nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Phải trả về mô tơ, máy phát nhà thầu Harbin - DA Cao Ngạn	-	3.296.575.000
Tiền phạt chậm tiến độ hợp đồng	183.481.300.473	-
Các khoản khác (i)	212.155.012.089	9.422.103.915
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>399.958.746.638</u></b>	<b><u>17.041.112.991</u></b>

(i) Số các khoản khác ngày 30/06/2018 bao gồm:

	<u>VND</u>
Thưởng an toàn điện	4.915.529.260
Phải trả tiền cổ tức năm 2017	203.668.722.000
Các khoản phải trả khác	3.570.760.829
<b>Cộng</b>	<b><u>212.155.012.089</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại TS</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>			<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>(3.640.600.000)</b>	-	-	<b>(354.030.919.308)</b>	<b>6.442.328.480.692</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	3.640.600.000	-	-	-	3.640.600.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	671.712.803.455	671.712.803.455
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	-	-	-	<b>317.681.884.147</b>	<b>7.117.681.884.147</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	3.269.425.647	-	3.269.425.647
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	292.863.749.836	292.863.749.836
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(222.694.256.477)	(222.694.256.477)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	-	-	<b>3.269.425.647</b>	<b>387.851.377.506</b>	<b>7.191.120.803.153</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**(\*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	21.915.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.800.000.000.000</u></b>	<b><u>6.800.000.000.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/06/2018</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong kỳ	-	-
Vốn giảm trong kỳ	-	-
Vốn cuối kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

34406  
 CÔNG  
 NHẬN  
 PK  
 VIỆT N  
 QUẢN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.083.254.448.172</b>	<b>3.772.561.787.136</b>
Doanh thu bán than	83.113.066.110	74.703.809.730
Doanh thu bán điện	3.992.315.247.653	3.659.529.824.805
Doanh thu khác	7.826.134.409	38.328.152.601

**6.2 Doanh thu thuần**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.083.254.448.172</b>	<b>3.772.561.787.136</b>
Doanh thu thuần bán than	83.113.066.110	74.703.809.730
Doanh thu thuần bán điện	3.992.315.247.653	3.659.529.824.805
Doanh thu thuần khác	7.826.134.409	38.328.152.601

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn than bán	83.113.066.110	74.703.809.730
Giá vốn điện	3.181.108.459.534	2.983.063.273.340
Giá vốn khác	7.116.820.179	36.980.020.454
<b>Cộng</b>	<b>3.271.338.345.823</b>	<b>3.094.747.103.524</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.801.867.612	5.383.036.419
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	12.617.500.000	10.815.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	35.972.883	12.121.209.464
<b>Cộng</b>	<b>15.455.340.495</b>	<b>28.319.245.883</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	174.681.027.459	199.165.161.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá	173.625.062.146	141.505.053.007
Chi phí tài chính khác	5.678.042.042	2.692.407.813
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	93.535.702.212	26.652.860.135
<b>Cộng</b>	<b>447.519.833.859</b>	<b>370.015.482.222</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thu nhập khác	162.437.661	284.145.674
<b>Cộng</b>	<b>162.437.661</b>	<b>284.145.674</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí khác	3.132.366	376.374.307
<b>Cộng</b>	<b>3.132.366</b>	<b>376.374.307</b>

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>74.798.571.927</b>	<b>76.348.897.759</b>
Chi phí nhân viên	32.008.009.570	44.571.761.152
Chi phí khấu hao	8.878.783.712	8.943.732.721
Dịch vụ mua ngoài	2.713.644.053	3.756.753.551
Các khoản khác	31.198.134.592	19.076.650.335
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>74.798.571.927</b>	<b>76.348.897.759</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.433.240.661.216	2.246.000.948.445
Chi phí nhân công	110.322.500.782	111.110.061.040
Chi phí khấu hao TSCĐ	675.786.106.227	694.682.380.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.490.715.086	36.257.919.077
Chi phí khác bằng tiền	81.296.934.439	83.044.692.510
<b>Cộng</b>	<b>3.346.136.917.750</b>	<b>3.171.096.001.283</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty mẹ chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty mẹ chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty mẹ.

Công ty mẹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mẹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty mẹ chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Công ty mẹ có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Công ty mẹ nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty mẹ đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

40-C  
TY  
HỮU  
F  
AM  
-T.P



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty mẹ có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty mẹ thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty mẹ xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty mẹ tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty mẹ sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty mẹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty mẹ theo chính sách của Công ty mẹ. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty mẹ đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty mẹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty mẹ sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty mẹ giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty mẹ và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2018</b>			
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.689.811.366	-	287.689.811.366
Phải thu khách hàng	2.143.808.860.042	-	2.143.808.860.042
Đầu tư	-	3.039.363.054.325	3.039.363.054.325
Phải thu khác	1.200.870.745.426	1.725.181.580.325	2.926.052.325.751
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>-Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.061.330.000)	-	(5.061.330.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(769.522.857.627)	(769.522.857.627)
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.627.308.086.834</b>	<b>3.995.021.777.023</b>	<b>7.622.329.863.857</b>
<b>Ngày 30/06/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	1.985.445.908.649	9.099.832.499.251	11.085.278.407.900
Phải trả người bán	951.881.121.077	395.419.285.868	1.347.300.406.945
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.045.085.222.735	-	1.045.085.222.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.982.412.252.461</b>	<b>9.495.251.785.119</b>	<b>13.477.664.037.580</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(355.104.165.627)</b>	<b>(5.500.230.008.096)</b>	<b>(5.855.334.173.723)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.603.523.920	-	91.603.523.920
Phải thu khách hàng	1.645.417.574.120	-	1.645.417.574.120
Đầu tư	-	2.979.431.733.205	2.979.431.733.205
Phải thu khác	1.272.444.412.038	1.631.899.722.298	2.904.344.134.336
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.061.330.000)	-	(5.061.330.000)
Dự Phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(675.987.155.415)	(675.987.155.415)
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.004.404.180.078</b>	<b>3.935.344.300.088</b>	<b>6.939.748.480.166</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Các khoản vay và nợ	2.087.671.905.826	9.584.399.135.158	11.672.071.040.984
Phải trả người bán	791.703.587.215	625.431.237.752	1.417.134.824.967
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	576.483.574.810	-	576.483.574.810
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.455.859.067.851</b>	<b>10.209.830.372.910</b>	<b>13.665.689.440.761</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(451.454.887.773)</b>	<b>(6.274.486.072.822)</b>	<b>(6.725.940.960.595)</b>

Công ty mẹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty mẹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	2.143.808.860.042	1.645.417.574.120	2.138.747.530.042	1.640.356.244.120
<i>Các khoản PT khác</i>	2.926.052.325.751	434.719.316.085	2.926.052.325.751	434.719.316.085
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	287.689.811.366	91.603.523.920	287.689.811.366	91.603.523.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.357.550.997.159</b>	<b>2.171.740.414.125</b>	<b>5.352.489.667.159</b>	<b>2.166.679.084.125</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	11.085.278.407.900	11.672.071.040.984	11.085.278.407.900	11.672.071.040.984
<i>Phải trả người bán</i>	1.347.300.406.945	1.417.134.824.967	1.347.300.406.945	1.417.134.824.967
<i>Phải trả khác</i>	1.045.085.222.735	576.483.574.810	1.045.085.222.735	576.483.574.810
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.477.664.037.580</b>	<b>13.665.689.440.761</b>	<b>13.477.664.037.580</b>	<b>13.665.689.440.761</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>				
Doanh thu	74.703.809.730	3.659.529.824.805	38.328.152.601	3.772.561.787.136
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	74.703.809.730	2.983.063.273.340	36.980.020.454	3.094.747.103.524
<b>Lợi nhuận gộp</b>	-	<b>676.466.551.465</b>	<b>1.348.132.147</b>	<b>677.814.683.612</b>
<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>				
Doanh thu	83.113.066.110	3.992.315.247.653	7.826.134.409	4.083.254.448.172
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	83.113.066.110	3.181.108.459.534	7.116.820.179	3.271.338.345.823
<b>Lợi nhuận gộp</b>	-	<b>811.206.788.119</b>	<b>709.314.230</b>	<b>811.916.102.349</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

**7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty mẹ bị phản ánh sai lệch.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Lưu Thị Thu Hà**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Hà**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Tri Thịnh**